

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động đo đạc và bản đồ, kiểm tra,
nghiệm thu sản phẩm bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 639/TTr-STNMT ngày 04 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động đo đạc và bản đồ, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*jt*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT – Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

QUY CHẾ

**Hoạt động đo đạc và bản đồ, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm
đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 13/9/2019
của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thống nhất công tác quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn, theo quy định tại Điều 24 của Luật Đo đạc và bản đồ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Việc đo đạc bản đồ địa chính phải gắn với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường; thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ do địa phương thực hiện tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng được cập nhật kịp thời để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỒ ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Quản lý nhà nước về đồ đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành đo đạc, lập bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo đúng danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; khi tiến hành thành lập, xuất bản và sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân có tư cách pháp nhân, giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và đủ năng lực để ký kết hợp đồng kinh tế hoặc giao nhiệm vụ để thi công công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Tổ chức, đơn vị, cá nhân đo đạc và bản đồ chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy phạm, quy trình đo đạc bản đồ và hợp đồng được ký kết; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

4. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

5. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công sở và văn phòng.

6. Thống nhất sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}00'$ múi chiếu 3° đối với các công trình có hạng mục đo đạc và bản đồ sử dụng hệ thống điểm đo đạc cơ sở đã có trên địa bàn tỉnh để phát triển lưới khống chế đo vẽ.

Điều 5. Lập thiết kế kỹ thuật và dự toán; lập phương án thi công chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình hoặc phục vụ cho các mục đích khác

1. Trước khi thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phải lập thiết kế kỹ thuật và dự toán, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần thiết kế kỹ thuật, cơ quan quyết định đầu tư thẩm định dự toán và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán.

2. Phải lập báo cáo khảo sát trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá các tư liệu, tài liệu có liên quan trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán.

3. Thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

3.1. Sự cần thiết phải đo đạc lập bản đồ địa chính;

3.2. Cơ sở pháp lý;

3.3. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

3.4. Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất của khu đo (*nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính*);

3.5. Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

3.6. Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý đất đai của địa phương;

3.7. Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

3.8. Tổ chức thực hiện;

3.9. Dự toán kinh phí;

3.10. Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

4. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất, khu đất thì không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhưng phải lập phương án thi công (*bao gồm cả dự toán chi tiết kèm theo*) và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

4.1. Căn cứ lập phương án;

4.2. Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

4.3. Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

4.4. Kinh phí thực hiện.

5. Đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy dạng số, việc lựa chọn đo mới hoặc chỉnh lý biến động cần phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về mức độ biến động đất đai trong phạm vi dự án.

Điều 6. Phân cấp kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định, gồm:

1.1. Bản đồ địa chính các tỷ lệ.

1.2. Bản đồ hiện trạng.

1.3. Các loại bản đồ chuyên đề khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực phù hợp thực hiện kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ hiện trạng sử dụng làm tài liệu giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, trích đo địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân thuộc thẩm quyền cấp huyện. Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định, nghiệm thu sản phẩm.

Điều 7. Nội dung kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ

1. Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Quy trình kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và các loại bản đồ chuyên đề khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Đối với bản đồ hiện trạng, nội dung kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu gồm:

a) Cơ sở toán học khi lập bản đồ;

b) Phương pháp thành lập bản đồ;

c) Đối chiếu dáng đất, địa vật giữa bản đồ và thực địa;

d) Diện tích và tiếp biên với ranh giới các thửa đất các dự án liền kề; chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

2. Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, nội dung kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ gồm:

2.1. Bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác. Nội dung kiểm tra theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất làm tài liệu giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp huyện: Nội dung kiểm tra, thẩm định theo quy định tại điểm 1.2, khoản 1 Điều này.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Trách nhiệm của UBND tỉnh

UBND tỉnh thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

2.1. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản, quy chế, quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

2.3. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án, công trình đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2.4. Tham mưu, đề xuất trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các bộ, ngành khác.

2.5. Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định.

2.6. Kiểm tra, nghiệm thu xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy chế này;

2.7. Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định.

2.8. Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

2.9. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh Sơn La; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật.

2.10. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và quản lý bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính các cấp.

2.11. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất trên bản đồ, cắm mốc và bàn giao mốc ngoài thực địa cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng đất; cắm mốc giới và bàn giao đất cho các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chuyên môn thực hiện:

3.1. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định.

3.2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của UBND tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

3.3. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công hạng mục đo đạc bản đồ thuộc các dự án sử dụng vốn do cấp huyện và cấp xã làm chủ đầu tư; phê duyệt kế hoạch hàng năm dự án về đo đạc và bản đồ thuộc nguồn ngân sách nhà nước của cấp huyện

3.4. Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu xác nhận bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trích đo địa chính sử dụng làm tài liệu giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, trích đo địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân thuộc thẩm quyền cấp huyện.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

4.1. Tổ chức tuyên truyền và giáo dục mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

4.2. Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc bản đồ tại địa phương.

4.3. Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

5. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh: Tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và sử dụng dữ liệu về đo đạc và bản đồ theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho UBND xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị mình.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối tổ chức kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

